

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

Môn kiểm tra: TOÁN 6
Thời gian làm bài: 90 phút
Ngày kiểm tra: 05/01/2024

Mã đề: 01

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 5 là:

- A. $\{1; 2; 3; 4\}$ B. $\{0; 1; 2; 3\}$ C. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $\{0; 1; 2; 3; 4\}$

Câu 2. Số La Mã XXIX viết dưới dạng số trong hệ thập phân là:

- A. 290 B. 29 C. 30 D. 31

Câu 3. Kết quả của phép tính $5^2 \cdot 5^3$ dưới dạng một lũy thừa là:

- A. 5^5 B. 5^6 C. 25^2 D. 25^3

Câu 4. Sử dụng máy tính cầm tay, tính: $371 : (3^3 + 7^3 + 1^3)$. Kết quả đúng là:

- A. 1 B. 2 C. 371 D. 137641

Câu 5. Để số $a = \overline{23}^*$ chia hết cho 9 thì ta phải thay dấu * bởi chữ số:

- A. 9 B. 4 C. 1 D. 0

Câu 6. Tập hợp tất cả các số nguyên tố lớn hơn 10 và nhỏ hơn 20 là:

- A. $\{13; 17; 19\}$ B. $\{11; 13; 15\}$ C. $\{11; 13; 17; 19\}$ D. $\{11; 13; 15; 17; 19\}$

Câu 7. Tập hợp có các phân tử được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

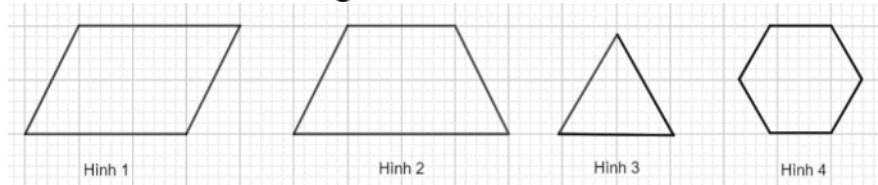
- A. $\{-2; -5; 0; 3\}$ B. $\{-2; 3; -5; 0\}$ C. $\{0; -2; 3; -5\}$ D. $\{-5; -2; 0; 3\}$

Câu 8. Ông Py-ta-go sinh năm 570 TCN và mất năm 495 TCN. Tuổi thọ của ông là:

- A. 74 B. 75 C. 76 D. 77

Câu 9. Trong các hình sau, hình nào là hình thang cân?

- A. Hình 1;
B. Hình 2;
C. Hình 3;
D. Hình 4.



Câu 10. Cho biểu đồ tranh về số học sinh lớp 6A đạt điểm 10 môn Toán trong tuần:

Tổ đạt số điểm 10 nhiều nhất trong tuần là:

- A. Tổ 1;
B. Tổ 2;
C. Tổ 3;
D. Tổ 4.

Tổ	Số học sinh đạt điểm 10
Tổ 1	5
Tổ 2	3
Tổ 3	6
Tổ 4	4

(☺ = 1 học sinh)

Câu 11. Nhiệt độ 30 ngày trong tháng 11 tại thành phố Bảo Lộc được ghi lại trong bảng sau:

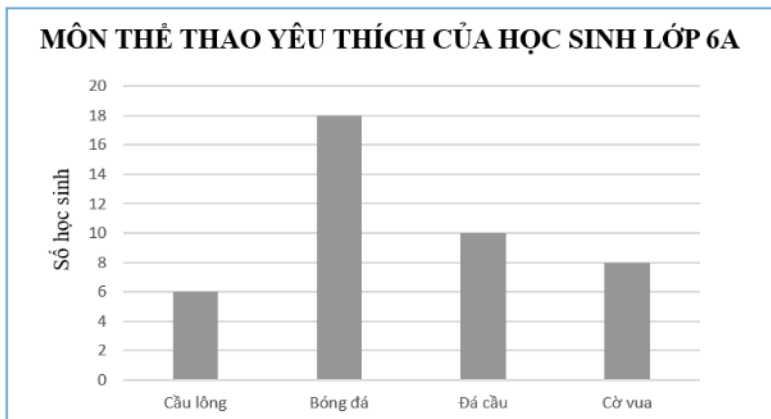
26	27	25	28	30	29	29	28	29	30
27	26	26	28	27	26	68	28	30	27
26	25	27	28	29	28	27	29	30	29

Dữ liệu nào không hợp lý trong bảng trên?

- A. 26 B. 27 C. 68 D. 30

Câu 12. Trong biểu đồ hình cột sau, môn thể thao được nhiều bạn trong lớp 6A yêu thích nhất là:

- A. Cờ vua
- B. Đá cầu
- C. Bóng đá
- D. Bóng bàn.



PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (0,75 điểm) Hãy liệt kê tất cả các phần tử của tập hợp $A = \{a \in \mathbb{Z} \mid -2 < a < 2\}$

Câu 2. (2,0 điểm) a) Thực hiện phép tính: $12 + (-15)$

b) Tính hợp lí: $123 \cdot (-25) + 123 \cdot (-75)$

c) Tính: $100 : \left\{ 60 - \left[5 + (2^3 - 3) \right] \right\}$

Câu 3. (1,25 điểm) Lớp trưởng lớp 6A ghi chép nhanh điểm Toán của 40 học sinh trong lớp như sau:

9	10	9	9	8	5	8	9	10	8
8	7	9	8	9	8	9	5	9	10
8	7	8	7	9	10	8	7	8	7
8	7	8	7	10	9	9	9	8	8

a) Em hãy lập bảng thống kê tương ứng;

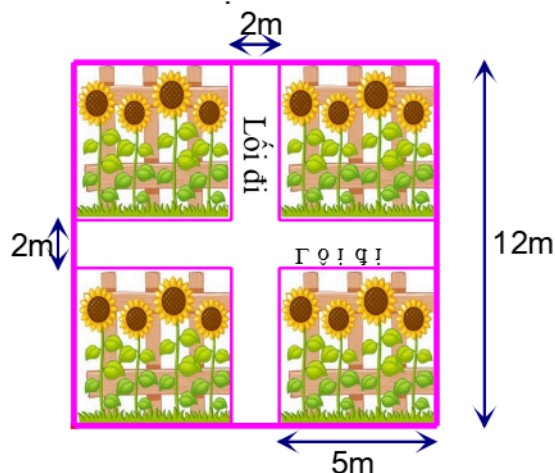
b) Em hãy cho biết có bao nhiêu bạn đạt điểm 10 và có bao nhiêu bạn có điểm trên 7.

Câu 4. (1,5 điểm) Một khu vườn hình vuông có các kích thước như hình bên.

a) Tính diện tích của khu vườn;

b) Người ta làm lối đi ở giữa khu vườn với chi phí cho mỗi mét vuông là 25000 đồng. Tính diện tích phần lối đi và chi phí làm lối đi đó.

(Diện tích phần đất còn lại dùng để trồng hoa là bốn hình vuông có diện tích bằng nhau)



Câu 5. (0,5 điểm) Tại Sa Pa vào lúc 4 giờ sáng nhiệt độ được ghi nhận là $-6^{\circ}C$, sau đó 5 giờ (vào lúc 9h sáng cùng ngày) nhiệt độ được ghi nhận là $9^{\circ}C$. Hỏi trung bình mỗi giờ, nhiệt độ tại Sa Pa trong buổi sáng ngày đó tăng bao nhiêu độ C ?

Câu 6. (1,0 điểm) Số quyển vở của nhóm “**Đồng hành cùng bạn**” của một trường THCS quyên góp được nếu xếp thành chồng 8 quyển, 12 quyển, 15 quyển thì vừa đủ. Nhóm đã dùng số vở đó chia đều thành 28 phần quà để phát cho 28 học sinh có hoàn cảnh khó khăn thì còn thừa lại 24 quyển vở. Tính số vở nhóm đã quyên góp được, biết rằng số vở đó không quá 400 quyển.

-----**Hết**-----

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Giám thị 1: Ký tên: Giám thị 2: Ký tên:

Mã đề: 02

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

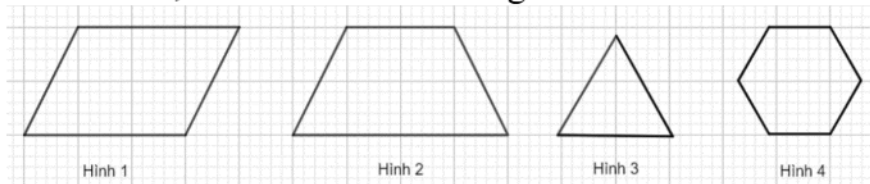
Câu 1. Tập hợp có các phần tử được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. $\{-2; -5; 0; 3\}$ B. $\{-2; 3; -5; 0\}$ C. $\{0; -2; 3; -5\}$ D. $\{-5; -2; 0; 3\}$

Câu 2. Ông Py-ta-go sinh năm 570 TCN và mất năm 495 TCN. Tuổi thọ của ông là:

- A. 74 B. 75 C. 76 D. 77

Câu 3. Trong các hình sau, hình nào là hình thang cân?



- A. Hình 1; B. Hình 2; C. Hình 3; D. Hình 4.

Câu 4. Cho biểu đồ tranh về số học sinh lớp 6A đạt điểm 10 môn Toán trong tuần:

Tổ đạt số điểm 10 nhiều nhất trong tuần là:

- A. Tổ 1;
B. Tổ 2;
C. Tổ 3;
D. Tổ 4.

Tổ	Số học sinh đạt điểm 10
Tổ 1	5
Tổ 2	3
Tổ 3	6
Tổ 4	4

(= 1 học sinh)

Câu 5. Nhiệt độ 30 ngày trong tháng 11 tại thành phố Bảo Lộc được ghi lại trong bảng sau:

26	27	25	28	30	29	29	28	29	30
27	26	26	28	27	26	68	28	30	27
26	25	27	28	29	28	27	29	30	29

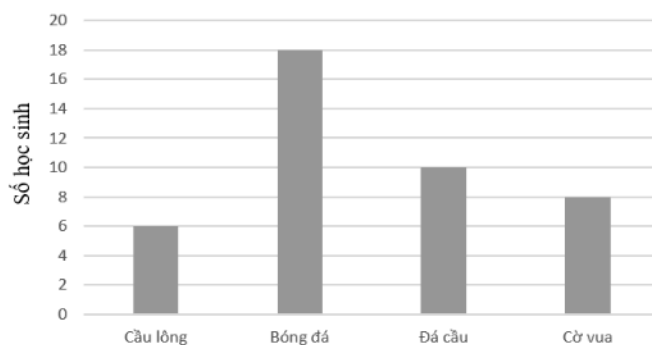
Dữ liệu nào không hợp lí trong bảng trên?

- A. 26 B. 27 C. 68 D. 30

Câu 6. Trong biểu đồ hình cột sau, môn thể thao được nhiều bạn trong lớp 6A yêu thích nhất là:

- A. Cờ vua
B. Đá cầu
C. Bóng đá
D. Bóng bàn.

MÔN THỂ THAO YÊU THÍCH CỦA HỌC SINH LỚP 6A



Câu 7. Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 5 là:

- A. $\{1; 2; 3; 4\}$ B. $\{0; 1; 2; 3\}$ C. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $\{0; 1; 2; 3; 4\}$

Câu 8. Số La Mã XXIX viết dưới dạng số trong hệ thập phân là:

- A. 290 B. 29 C. 30 D. 31

Câu 9. Kết quả của phép tính $5^2 \cdot 5^3$ dưới dạng một lũy thừa là:

- A. 5^5 B. 5^6 C. 25^2 D. 25^3

Câu 10. Sử dụng máy tính cầm tay, tính: $371 : (3^3 + 7^3 + 1^3)$. Kết quả đúng là:

- A. 1 B. 2 C. 371 D. 137641

Câu 11. Để số $a = \overline{23*}$ chia hết cho 9 thì ta phải thay dấu * bởi chữ số:

- A. 9 B. 4 C. 1 D. 0

Câu 12. Tập hợp tất cả các số nguyên tố lớn hơn 10 và nhỏ hơn 20 là:

- A. $\{13; 17; 19\}$ B. $\{11; 13; 15\}$ C. $\{11; 13; 17; 19\}$ D. $\{11; 13; 15; 17; 19\}$

PHẦN II: TƯ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (0,75 điểm) Hãy liệt kê tất cả các phần tử của tập hợp $A = \{a \in \mathbb{Z} \mid -2 < a < 2\}$

Câu 2. (2,0 điểm) a) Thực hiện phép tính: $12 + (-15)$

b) Tính hợp lí: $123 \cdot (-25) + 123 \cdot (-75)$

c) Tính: $100 : \{60 - [5 + (2^3 - 3)]\}$

Câu 3. (1,25 điểm) Lớp trưởng lớp 6A ghi chép nhanh điểm Toán của 40 học sinh trong lớp như sau:

9	10	9	9	8	5	8	9	10	8
8	7	9	8	9	8	9	5	9	10
8	7	8	7	9	10	8	7	8	7
8	7	8	7	10	9	9	9	8	8

a) Em hãy lập bảng thống kê tương ứng;

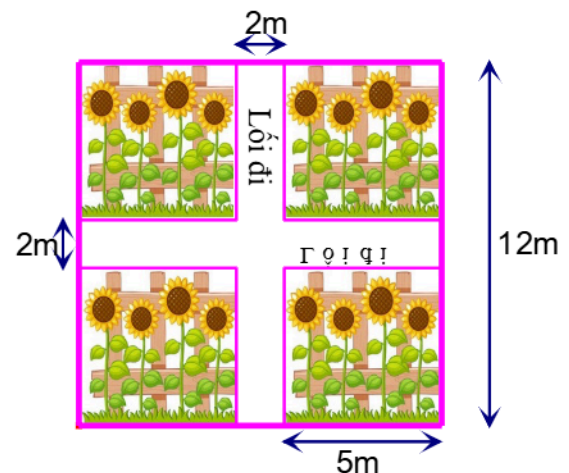
b) Em hãy cho biết có bao nhiêu bạn đạt điểm 10 và có bao nhiêu bạn có điểm trên 7.

Câu 4. (1,5 điểm) Một khu vườn hình vuông có các kích thước như hình bên.

a) Tính diện tích của khu vườn;

b) Người ta làm lối đi ở giữa khu vườn với chi phí cho mỗi mét vuông là 25000 đồng. Tính diện tích phần lối đi và chi phí làm lối đi đó.

(Diện tích phần đất còn lại dùng để trồng hoa là bốn hình vuông có diện tích bằng nhau)



Câu 5. (0,5 điểm) Tại Sa Pa vào lúc 4 giờ sáng nhiệt độ được ghi nhận là -6°C , sau đó 5 giờ (vào lúc 9h sáng cùng ngày) nhiệt độ được ghi nhận là 9°C . Hỏi trung bình mỗi giờ, nhiệt độ tại Sa Pa trong buổi sáng ngày đó tăng bao nhiêu độ C?

Câu 6. (1,0 điểm) Số quyển vở của nhóm “**Đồng hành cùng bạn**” của một trường THCS quyên góp được nếu xếp thành chồng 8 quyển, 12 quyển, 15 quyển thì vừa đủ. Nhóm đã dùng số vở đó chia đều thành 28 phần quà để phát cho 28 học sinh có hoàn cảnh khó khăn thì còn thừa lại 24 quyển vở. Tính số vở nhóm đã quyên góp được, biết rằng số vở đó không quá 400 quyển.

-----**Hết**-----

Họ tên thí sinh:..... Số báo danh:

Giám thị 1: Ký tên:..... Giám thị 2: Ký tên:

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
ĐỀ CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - TOÁN 6
NĂM HỌC: 2023 – 2024

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án đề 1	D	B	A	A	B	C	D	B	B	C	C	C
Đáp án đề 2	D	B	B	C	C	C	D	B	A	A	B	C

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

- Câu 1.** (0,75 điểm) Chỉ ra mỗi phần tử đúng 0,25x3
- Câu 2.** (2,0 điểm) a) $12 + (-15) = -(15 - 12) = -3$ 0,25x2
b) $123 [(-25) + (-75)] = 123.(-100) = -12300$ 0,25x3
c) $100 : \{60 - [5 + (8 - 3)]\} = 100 : \{60 - 10\} = 2$ 0,25x3
- Câu 3.** (1,25 điểm)
a) Lập đúng bảng thống kê (sai mỗi số liệu trừ 0,25đ) 0,75
b) Có 5 bạn đạt điểm 10 0,25
 Có 31 bạn đạt điểm trên 7 0,25
- Câu 4.** (1,5 điểm)
a) Tính đúng diện tích hình vuông là 144 (m²) 0,5
b) Tính đúng diện tích lối đi là 44 (m²) 0,5
 Tính đúng tổng chi phí làm lối đi là 1100000 (đồng) 0,5
- Câu 5.** (0,5 điểm)
- Tính được nhiệt độ chênh lệch : $9 - (-6) = 15 (^{\circ}C)$ 0,25
- Tính đúng: $15 : 5 = 3$
- Và kết luận:
 Trung bình mỗi giờ, nhiệt độ buổi sáng tại Sa Pa ngày đó tăng $3^{\circ}C$ 0,25
- Câu 6.** (1,0 điểm)
- Số quyền vở nhóm quyền góp được là bội chung của 8, 12, 15 0,25
- Tìm đúng $BC(8, 12, 15) = \{0; 120; 240; 360; \dots\}$ 0,25
- Lập luận chọn ra ba số 120; 240; 360 0,25
- Tìm số dư khi lần lượt chia 120; 240; 360 cho 28, chọn đúng 360
và kết luận nhóm đã quyền góp được là 360 quyền vở . 0,25

(Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa)
*** Hết ***